

*QO, ngày 09 tháng 6 năm 2021*

Số: 24/2021/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc H về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải T ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Đơn đề nghị ngày 01/6/2021 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 56/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải T về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã H.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.** Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, pH1 T Công, quận Ba Đình, T phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện QO Hà Tây. Địa chỉ: Thị trấn QO, huyện QO, T phố Hà Nội theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Đỗ Trung T – Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện QO Hà Tây theo Quyết định số 93/QĐ-NHNo.QO-UQ ngày 30/6/2020 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện QO Hà Tây.

- **Bị đơn: Ông Vũ DA H** sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố DN, thị trấn QO, huyện QO, T phố Hà Nội.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Bà Bùi Thị N** sinh năm 1965. Trú tại: TDP DN, thị trấn QO, huyện QO, T phố Hà Nội (vợ ông H).

+ **Ông Phạm Văn H1** sinh năm 1967.

+ **Bà Vũ Thị T1** sinh năm 1968 (vợ ông H1).

+ **Chị Phạm Thị T2** sinh năm 1994 (con của ông H1, bà T1).

+ **A Phạm Văn H1** sinh năm 1991 (con của ông H1, bà T1).

+ **Chị Nguyễn Thị N A** sinh năm 1992 (vợ A H1).

+ **Cháu Phạm Nguyễn Hồng Đăng** sinh năm 2017 và **Phạm Nguyễn Khánh Tiên** sinh năm 2018 (con của A H1 và chị N A).

Đều trú tại: TDP DN thị trấn QO, huyện QO, T phố Hà Nội.

A H1 và chị N A là đại diện theo pháp luật của các con. Chị T2 ủy quyền cho A H1 theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QO.

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và ông Vũ DA H xác nhận có ký Hợp đồng tín dụng số 2209-LAV-201200626/HĐTD ngày 20/4/2012. Theo Hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giải ngân cho ông H vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Cụ thể:

+ Giấy nhận nợ số GN 2209-LDS-201201357 ngày 20/4/2012, số tiền vay là 200.000.000 đồng.

+ Giấy nhận nợ số GN 2209-LDS-201201513 ngày 27/4/2012, số tiền vay là 150.000.000 đồng.

+ Giấy nhận nợ số GN 2209-LDS-201201899 ngày 21/5/2012, số tiền vay là 150.000.000 đồng.

**2.2.** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và bà Vũ Thị T1, ông Phạm Văn H1 xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3 (gắn liền với quyền sử dụng đất) số 0504-11/HĐBL ngày 05/4/2012 được Văn phòng Công chứng Toàn Tâm (Địa chỉ: Phố Mới, thị trấn QO, huyện QO, T phố Hà Nội) công chứng ngày 19/4/2012, số công chứng

818.2012/HĐTC, quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của ông H.

**2.3.** Tính đến ngày 31/5/2021 ông H xác nhận còn nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền: 1.188.870.154đ (*Một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng*). Trong đó:

+ Nợ gốc: 485.800.000đ (*Bốn trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*).

+ Nợ lãi trong hạn : 568.047.695đ (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn : 135.022.459đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng*).

**2.4.** Ngân hàng đồng ý giảm một phần nợ lãi cho ông H. Ông H còn phải trả ngân hàng số tiền 537.000.000đ (*Năm trăm ba mươi bảy triệu đồng*). Trong đó :

+ Nợ gốc: 485.800.000đ (*Bốn trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*).

+ Nợ lãi : 51.200.000đ (*Năm mươi mốt triệu, hai trăm nghìn đồng*).

**2.5.** Ông H cam kết trả số tiền 537.000.000đ (*Năm trăm ba mươi bảy triệu đồng*) theo các kì như sau :

+ Kì 1: ngày 31/5/2021 dương lịch ông H trả số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

+ Kì 2 : Đến ngày 25/6/2021 dương lịch ông H trả tiếp số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

+ Kì 3 : Đến ngày 26/7/2021 dương lịch ông H thA toán số tiền còn lại là 137.000.000đ (*Một trăm ba mươi bảy triệu đồng*).

**2.6.** Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo phương án nêu trên (vi phạm về số tiền hoặc thời gian trả tiền), thì coi như vi phạm toàn bộ nghĩa vụ. Khi đó, ông H phải thA toán trả ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nêu trên, số tiền nợ tính đến ngày 31/5/2021 là 1.188.870.154đ (*Một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng*). Trong đó:

+ Nợ gốc: 485.800.000đ (*Bốn trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*).

+ Nợ lãi trong hạn : 568.047.695đ (*Năm trăm sáu mươi tám triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn : 135.022.459đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng*).

Đồng thời, kể từ ngày 01/6/2021 ông H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả theo đúng lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ cho đến khi trả hết nợ tương ứng với thời gian chậm trả, được khấu trừ số tiền ông H đã thực trả ngân hàng kể từ ngày 31/5/2021. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục trả toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Khi này, ngân hàng còn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số: 153.1, tờ bản đồ số: 03, diện tích 145 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thị trấn QO, huyện QO, T phố Hà Nội đã được UBND huyện QO, T phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 925602, số vào sổ cấp GCN: CH2326 ngày 23/3/2012 cho ông Phạm Văn H1 và bà Vũ Thị T1; Theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3 (gắn liền với quyền sử dụng đất) số 0504-11/HĐBL ngày 05/4/2012 được Văn phòng Công chứng Toàn Tâm, T phố Hà Nội công chứng ngày 19/4/2012, số công chứng 818.2012.HĐTC, quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật ngày 19/4/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện QO.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sẽ dùng để trả toán toàn bộ khoản nợ của ông H theo Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ nêu trên. Nếu dư sẽ trả lại cho chủ sở hữu tài sản, nếu thiếu thì ông H phải tiếp tục trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho đến khi trả toán xong khoản vay.

**2.7. Về án phí:** Ông H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 12.740.000 đồng (*Mười hai triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*). Do điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình của ông H hiện gặp nhiều khó khăn, vợ bị tai biến,

không có thu nhập, không có đủ tài sản để nộp án phí, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn QO nên Tòa án xét giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm mà ông H phải nộp. Ông H còn phải nộp 6.370.000 đồng (*Sáu triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.750.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011262 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- TAND T phố Hà Nội;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Thúy**